

Bản án số: 127/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/09/2022

V/v “Không công nhận là vợ chồng
giữa anh V và chị D”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Huân

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 08 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2 Bị đơn: Chị Lưu Thị D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn V trình bày: Tháng 02 năm 1998, anh kết hôn với chị Lưu Thị D theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, nhưng đã bị mất. Tổ chức hôn lễ xong chị D về nhà anh sinh sống cùng gia đình anh tại thôn Q, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận được vài tháng sau ngày cưới thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống không phù hợp, anh chị không cùng chung chí hướng trong phát triển kinh tế. Việc này hai bên gia đình có biết và can ngăn, động viên, khuyên bảo, nhưng không

thành. Tháng 05 năm 1998 chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó anh chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị D.

Về con chung: Anh và chị Lưu Thị D chưa có.

Về tài chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lưu Thị D, nhưng chị D không đến trụ sở Tòa án làm việc, cũng không cung cấp bản tự khai hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Lê Văn V được ly hôn với chị Lưu Thị D; Về con chung; tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét; về án phí: Miễn án phí cho anh Lê Văn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn V chung sống với chị Lưu Thị D như vợ chồng từ tháng 2 năm 1998. Anh V và chị D chung sống với nhau hòa thuận đến tháng 5 năm 1998 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình. Chị D bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở thôn G, xã T sinh sống. Từ đó đến nay, anh V và chị D sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không liên lạc gì với nhau. Do anh Lê Văn V và chị Lưu Thị D chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Anh V khai anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, nhưng anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ; Tòa án tiến hành minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân xã T, xác định anh V và chị D không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh Lê Văn V và chị Lưu Thị D là vợ chồng.

[2]. *Về con chung:* Anh Lê Văn V xác định anh và chị Lưu Thị D chưa có con chung, anh không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[3]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. *Về án phí*: Anh Lê Văn V là người khuyết tật theo Giấy xác nhận khuyết tật số 0240 LN1NP081 ngày 12/9/2013 nên được miễn án phí. Hoàn trả anh V số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Lê Văn V và chị Lưu Thị D là vợ chồng.

2. *Về án phí*: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Lê Văn V. Hoàn trả anh Lê Văn V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai thu số 0013681 ngày 14 tháng 04 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về kháng cáo*: Báo đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân